

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 196/2026/DS-ST
Ngày: 09 - 4 - 2026
V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ánh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Tua.
- Ông Lê Xuân Tý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liễu - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2026/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 143/2026/QĐST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị X; sinh năm: 1960. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã V, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Tuyết N; sinh năm: 1981. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã H, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa,

nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:

Vào ngày 24/10/2020 bà Nguyễn Thị X có cho chị Nguyễn Thị Tuyết N vay số tiền 40.000.000 đồng. Khi vay hai bên có lập biên nhận nợ, lãi suất 2%/tháng.

Vào ngày 28/10/2020 bà X có cho chị N vay số tiền 15.000.000 đồng. Khi vay hai bên có lập biên nhận nợ, lãi suất 2%/tháng.

Vào ngày 17/11/2020 bà X có cho chị N vay số tiền 40.000.000 đồng. Khi vay hai bên có lập biên nhận nợ, lãi suất 2%/tháng.

Tổng số tiền bà X cho chị N vay là 95.000.000 đồng. Từ khi nhận đủ tiền vay cho đến nay, chị N chưa trả nợ gốc và nợ lãi cho bà X. Bà X đã nhiều lần yêu cầu chị N trả lại tiền vay nhưng chị N không trả. Do đó, bà X khởi kiện yêu cầu chị N trả lại cho bà X số tiền vay là 95.000.000 đồng.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N vắng mặt, không có lý do và không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ: 1. Bản tự khai. 2. Căn cước công dân của nguyên đơn (bản sao). 3. 03 Biên nhận tiền (bản photô). 4. Đơn yêu cầu không hòa giải, đối thoại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án. 5. Đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí.

Bị đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ: Không có.

Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ: Văn bản về việc xác minh thông tin cư trú, lý lịch của đương sự.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Không có.

Nội dung đã được các đương sự thống nhất: Không có.

Nội dung không được các đương sự thống nhất: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị X số tiền nợ vay là 95.000.000 đồng.

+ Về án phí: Buộc bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả lại số tiền đã vay vào các ngày 24/10/2020, 28/10/2020 và 17/11/2020 theo các “Biên nhận”. Xét nội dung các “Biên nhận” thể hiện việc bị đơn có vay tiền của nguyên đơn nên về bản chất giữa nguyên đơn và bị đơn đã giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 385 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp. Do đó, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại xã H, thành phố Cần Thơ. Căn cứ vào quan hệ pháp luật tranh chấp và quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Nghị quyết số: 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không chứng minh được vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về pháp luật áp dụng: Hợp đồng vay tài sản (tiền) giữa các bên được xác lập vào các ngày 24/10/2020, 28/10/2020 và 17/11/2020 nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[5] Về hiệu lực của hợp đồng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N trả số tiền đã vay tổng cộng là 95.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án bản photo đã được đối chiếu bản chính các “Biên nhận” ngày 24/10/2020, 28/10/2020 và 17/11/2020. Nội dung “Biên nhận” ngày 24/10/2020 thể hiện: “Ngày 24-10-2020 chị C có đưa cho em N số tiền là 40 triệu Bốn mươi triệu chẵn”, có chữ ký và chữ viết tên Nguyễn Thị Tuyết N bên dưới từ “Người nhận”. Nội dung “Biên nhận” ngày 17/11/2020 thể hiện: “hôm nay ngày 17-11-2020 em N có gửi bằng khoáng cho chị C em mượn 40 triệu bốn mươi triệu chẵn”, có chữ ký và chữ viết tên Nguyễn Thị Tuyết N bên dưới từ “Người nhận tiền”. Nội dung “Biên nhận” ngày 28/10/2020 thể hiện: “Chị Bảy R 28-10 15 triệu mười lăm triệu”, có chữ ký và chữ viết tên Nguyễn Thị Tuyết N. Theo Văn bản xác minh của Công an xã H, thành phố Cần Thơ thì: “Đs Nguyễn Thị Tuyết N; sn: 08/12/1981, số CC: 093181001743 có đăng ký thường trú tại Ấp M, xã H, thành phố Cần Thơ.”. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do và không thể hiện ý kiến hay phản đối đối với yêu cầu khởi kiện cũng như tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra. Theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì: “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó” và “đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Do đó, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập hợp đồng vay tài sản vào các ngày 24/10/2020, 28/10/2020 và 17/11/2020 với nội dung thỏa thuận về tài sản nguyên đơn cho bị đơn vay là số tiền 40.000.000 đồng vào ngày 24/10/2020, 15.000.000 đồng vào ngày 28/10/2020 và 40.000.000 đồng vào ngày 17/11/2020, không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn vay. Bên cạnh đó, xét thấy hợp đồng vay tài sản giữa các bên đáp ứng đủ các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên hợp đồng có hiệu lực từ thời điểm giao kết.

[6] Về nợ gốc: Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bị đơn vay của nguyên đơn số tiền tổng cộng là 95.000.000 đồng, tính đến ngày xét xử, bị đơn không chứng minh được đã trả đủ nợ gốc cho nguyên đơn. Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả nợ gốc là số tiền 95.000.000 đồng.

[7] Về nợ lãi: Nguyên đơn không yêu cầu buộc bị đơn trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 385, Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án; Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lại tài sản vay.

Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị X tài sản vay là số tiền 95.000.000 (chín mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 4.750.000 đồng (bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND khu vực 11 - Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự TP. Cần Thơ
(Phòng THADS khu vực 11 - Cần Thơ);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Thị Ánh Trúc